ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 322 /QĐ-UBND	*Chư Pưh, ngày 28 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh diện tích và thu hồi đất của các hộ dân để thực hiện dự án: xây dựng Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1 trên địa bàn huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền Địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện tại Tờ trình số: 87/TTr-TNMT ngày 27/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và thu hồi diện tích **113.020 m²** đất các hộ dân trên địa bàn các xã: Ia Blứ, Ia Phang, Chư Don, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai để trình cấp thẩm quyền cho thuê đất thực hiện Dự án: xây dựng Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1, cụ thể như sau:

- Địa chỉ thửa đất: xã Ia Blứ, xã Ia Phang, xã Chư Don, huyện Chư Pưh.

- Diện tích thu hồi: **113.020** m² *(một trăm mười ba nghìn không trăm hai mươi mét vuông).* Trong đó:

+ Đất nông nghiệp: **108.868,5** m² *(một trăm lẻ tám nghìn tám trăm sáu mươi tám phẩy năm mét vuông).*

+ Đất công trình công cộng (Đường giao thông): **4.151,5** m² *(bốn nghìn một trăm năm mươi mốt phẩy năm mét vuông).*

- Lý do thu hồi: Để trình cấp thẩm quyền cho thuê đất thực hiện Dự án: xây dựng Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1 trên địa bàn huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

(có danh sách cụ thể kèm theo)

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch UBND các xã: Ia Blứ, Ia Phang, Chư Don có trách nhiệm giao quyết định này đến các hộ dân; trường hợp các hộ dân không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; Niêm yết quyết định này tại trụ sở UBND xã, thị trấn và tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư.

2. Giao Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chư Pưh có trách nhiệm thu hồi, chỉnh lý Giấy CN QSD đất, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo đúng quy định và trao trả Giấy CN QSD đất sau chỉnh lý cho chủ sử dụng đất.

3. Văn phòng HĐND-UBND huyện có trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử của huyện Chư Pưh.

4. Giao UBND các xã: Ia Blứ, Ia Phang, Chư Don phối hợp giao, nhận đất ngoài thực địa cho các chủ sử dụng đất quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND huyện Chư Pưh.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài nguyên-MT, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, UBND các xã: Ia Blứ, Ia Phang, Chư Don, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ dân có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận
- Như Điều 3;
- Thường trực Huyện ủy
- CT, các PCT HĐND, UBND huyện;
- Thanh tra huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TN, NC.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Quang Thái

Người ký: Ủy ban Nhân dân huyện Chư Pưh
Email: ubndchupuh@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 28.04.2021 14:12:33 +07:00

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP THỐNG NHẤT THU HỒI ĐẤT ĐỂ THI CÔNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN: NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ NHƠN HÒA 1, HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI
(kèm theo Quyết định số: 322 /QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của UBND huyện Chư Pưh)

I. Vị trí turbine

STT	Tên chủ sử dụng đất (Đại diện chủ sử dụng đất)	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
Vị trí tại xã Chư Don							
1	Phạm Trung Kiên	33	104	2403,8	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
2	Phạm Trung Kiên	212	106	3071,6	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
3	Phạm Trung Kiên	1	47	1622,2	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
4	Phạm Trung Kiên	8	47	613,1	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
5	Phạm Trung Kiên	9	47	1105,4	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
6	Phạm Trung Kiên	27	47	1961,9	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
7	Phạm Trung Kiên	65	47	1126,5	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
8	Nguyễn Tiến Trung	66	47	845,6	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
9	Nguyễn Tiến Trung	170	56	1755,8	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
10	Nguyễn Tiến Trung	171	56	690,5	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
11	Phạm Trung Kiên	1	TD06-2016	3532,4	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
12	Phạm Trung Kiên	172	56	2830	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
13	Nguyễn Tiến Trung	45a	56	198,2	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
14	Phạm Trung Kiên	37	106	841,6	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
15	Kpă H'lên	46	106	691,8	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
Vị trí tại xã Ia Phang							
16	Phạm Trung Kiên	92	51	1545,4	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia Phang, huyện Chư Pưh	
17	Phạm Trung Kiên	174	51	654,3	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia Phang, huyện Chư Pưh	
18	Phạm Trung Kiên	5	58	21,9	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia Phang, huyện Chư Pưh	
19	Phạm Trung Kiên	4	58	2235	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia Phang, huyện Chư Pưh	
20	Phạm Trung Kiên	3	58	63,3	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia Phang, huyện Chư Pưh	
21	Nguyễn Tiến Trung	43a	58	1034,9	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Ia Phang, huyện Chư Pưh	
22	Nguyễn Tiến Trung	43	58	1011,3	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Ia Phang, huyện Chư Pưh	
Tổng				29.856,5			

II. Tuyến vận hành

STT	Tên chủ sử dụng đất (Đại diện chủ sử dụng đất)	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Trung	46	104	60,9	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
2	Đường giao thông			38,3		Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
3	Nguyễn Tiến Trung	45	104	307,8	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
4	Nguyễn Tiến Trung	50	104	249,7	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
5	Đường giao thông			33,5		Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
6	Nguyễn Tiến Trung	56	104	201,1	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
7	Nguyễn Tiến Trung	64	104	513,5	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
8	Nguyễn Tiến Trung	74	104	427,6	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
9	Nguyễn Tiến Trung	58	104	38,7	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
10	Nguyễn Tiến Trung	75	104	68,3	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
11	Nguyễn Tiến Trung	1	106	6,9	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
12	Phạm Trung Kiên	1	TD06-2016	169	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
13	Phạm Trung Kiên	1	TD06-2016	115,5	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
14	Nguyễn Tiến Trung	13	106	15,6	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
15	Nguyễn Tiến Trung	16	106	176,7	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
16	Siu Tă	25	106	51,4	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
17	Nguyễn Tiến Trung	19	106	93,4	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
18	Nguyễn Tiến Trung	24	106	284,3	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
19	Phạm Trung Kiên	29	106	349,4	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
20	Nguyễn Tiến Trung	30	106	3,8	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
21	Nguyễn Tiến Trung	38	106	31,3	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
22	Phạm Trung Kiên	45	106	466,2	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
23	Nguyễn Tiến Trung	48	106	233,7	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
24	Đường giao thông			3,1		Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
25	Nguyễn Tiến Trung	5	106	77,5	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
26	Nguyễn Tiến Trung	193	106	5,4	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
27	Nguyễn Tiến Trung	203	106	374,7	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
28	Phạm Trung Kiên	212	106	9,9	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
29	Phạm Trung Kiên	212	106	1429,1	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
30	Phạm Trung Kiên	1	47	571	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
31	Đường giao thông			250,4		Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
32	Đường giao thông			253,7		Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
33	Phạm Trung Kiên	9	47	267,5	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
34	Phạm Trung Kiên		Chưa đo đạc	291,8	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	

STT	Tên chủ sử dụng đất (Đại diện chủ sử dụng đất)	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
35	Phạm Trung Kiên	9	47	546,6	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
36	Đường giao thông	9	47	49,7		Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
37	Phạm Trung Kiên	9	47	53	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
38	Đường giao thông			83,5		Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
39	Phạm Trung Kiên	27	47	1922,8	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
40	Phạm Trung Kiên	126	47	866,1	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
41	Phạm Trung Kiên	127	47	1017,5	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
42	Phạm Trung Kiên	50	47	1143,1	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
43	Nguyễn Tiến Trung	66	47	175,4	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
44	Phạm Trung Kiên	65	47	1102,7	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
45	Phạm Trung Kiên	74	47	255,3	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
46	Phạm Trung Kiên	74a	47	400,6	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
47	Nguyễn Tiến Trung	128	47	675,7	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
48	Nguyễn Tiến Trung	93	47	189,1	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
49	Nguyễn Tiến Trung	93a	47	747,8	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
50	Nguyễn Tiến Trung	170	56	517,6	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
51	Nguyễn Tiến Trung	171	56	450,3	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
52	Đường giao thông			28,7		Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
53	Nguyễn Tiến Trung	6	56	218,8	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
54	Đất công cộng	31	56	255,5		Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
55	Đất công cộng	19	56	106,5		Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
56	Đường giao thông			450,8		Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
57	Đất công cộng	19a	56	13,8		Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
58	Nguyễn Tiến Trung	32a	56	10,2	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
59	Nguyễn Tiến Trung	32	56	86,6	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
60	Nguyễn Tiến Trung	32a	56	4,7	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
61	Phạm Trung Kiên	33	56	57,8	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
62	Phạm Trung Kiên	172	56	122,7	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
63	Nguyễn Tiến Trung	45a	56	39,5	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
64	Nguyễn Tiến Trung	161	56	195,3	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
65	Đường giao thông			390,3		Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	
66	Phạm Trung Kiên	1	50	17,2	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
67	Phạm Trung Kiên	79	51	4,2	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
68	Đường giao thông			313,5		Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
69	Phạm Trung Kiên	79	51	4,5	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	

STT	Tên chủ sử dụng đất (Đại diện chủ sử dụng đất)	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
70	Phạm Trung Kiên	83	51	195,3	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
71	Phạm Trung Kiên	172	51	59,8	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
72	Phạm Trung Kiên	91	51	11	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
73	Phạm Trung Kiên	92	56	1084,8	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
74	Phạm Trung Kiên	100	56	643	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
75	Phạm Trung Kiên	25	58	863,1	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
76	Phạm Trung Kiên	4	58	158,6	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
77	Phạm Trung Kiên	5	58	21,6	P.Trường Chinh, tỉnh Kon Tum	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
78	Nguyễn Tiến Trung	43	58	334,9	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
79	Nguyễn Tiến Trung	43a	58	169	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
80	Trương Quý Ngọc	13	87	354	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
81	Đường giao thông			109,2		Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
82	Trương Quý Ngọc	13	87	99,9	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
83	Trương Quý Ngọc	10	87	22,2	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
84	Đường giao thông			31,2		Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
85	Trương Quý Ngọc	21	87	201,5	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
86	Đường giao thông			281,3		Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
87	Trương Quý Ngọc	27	87	867	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
88	Trương Quý Ngọc	35	87	247,7	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
89	Trương Quý Ngọc	39	87	560,7	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
90	Trương Quý Ngọc	17	106	86,6	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
91	Nguyễn Tiến Trung	18	106	394,7	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
92	Trương Quý Ngọc	23	106	324,5	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
93	Trương Quý Ngọc	23	106	4521,1	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
94	Đường giao thông			312		Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
95	Nguyễn Tiến Trung	28	106	503,2	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
96	Nguyễn Tiến Trung	78	107	750,2	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
97	Nguyễn Tiến Trung	20	106	1279,9	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
98	Nguyễn Tiến Trung	24	106	944,6	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
99	Nguyễn Tiến Trung	22	106	1882,5	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
100	Nguyễn Tiến Trung	18	106	897,1	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
101	Nguyễn Minh Đức	41	107	9648,1	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
102	Nguyễn Tiến Trung	25	106	3760,4	H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
103	Nguyễn Minh Đức	15	106	66,4	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
104	Nguyễn Minh Đức	20	107	2287	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	

STT	Tên chủ sử dụng đất (Đại diện chủ sử dụng đất)	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
105	Nguyễn Minh Đức	17	107	6451,2	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
106	Nguyễn Minh Đức	15	107	209,6	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
107	Nguyễn Minh Đức	33	107	1342,2	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
108	Nguyễn Minh Đức	47	107	13397,5	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
109	Nguyễn Minh Đức	59	107	588,4	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
110	Đường giao thông			988,5		Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
111	Nguyễn Minh Đức	11	107	678	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
112	Nguyễn Minh Đức	26	107	461,5	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
113	Nguyễn Minh Đức	2	89	353,7	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
114	Nguyễn Minh Đức	170	59	244,1	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
115	Nguyễn Minh Đức	181	59	293,4	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
116	Nguyễn Minh Đức	6	64	360,3	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
117	Nguyễn Minh Đức	13	64	46,9	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
118	Đường giao thông			63,6		Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
119	Nguyễn Văn Hồng	36	64	134,6	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
120	Nguyễn Văn Hồng	44	64	43,3	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
121	Nguyễn Văn Hồng	64	64	336,5	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
122	Nguyễn Văn Hồng	73	65	66,7	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
123	Đường giao thông			65,8	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
124	Nguyễn Văn Hồng	2	90	656,1	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
125	Đường giao thông			2,6		Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
126	Nguyễn Văn Hồng	22	90	732,9	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
127	Nguyễn Văn Hồng	60	66	155,2	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
128	Nguyễn Văn Hồng	60	66	151,3	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
129	Nguyễn Văn Hồng	59	66	151,3	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
130	Nguyễn Văn Hồng	61	66	151,3	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
131	Nguyễn Văn Hồng	61	66	347,2	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
132	Nguyễn Văn Hồng	61	66	342,7	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
133	Nguyễn Văn Hồng	59	66	5,3	Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
134	Đường giao thông			26		Xã Ia phang, huyện Chư Pưh	
135	Trương Quý Ngọc	15	107	93,9	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
136	Trương Quý Ngọc	17	107	215,5	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
137	Trương Quý Ngọc	20	107	44,2	Tp.Đồng Hới Quảng Bình	Xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh	
Tổng				**83163,5**			